

SỔ TAY
TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020

I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

1. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020

a. Đối tượng hỗ trợ: là các doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b. Điều kiện hỗ trợ: có dự án đầu tư nằm trong phụ lục danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn ban hành kèm theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

c. Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

d. Nội dung hỗ trợ:

Các dự án thuộc các lĩnh vực ưu đãi được hưởng những ưu đãi, hỗ trợ sau:

- Ưu đãi về đất đai:

+ Miễn, giảm tiền sử dụng đất

+ Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ

- Hỗ trợ đầu tư:

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc

+ Hỗ trợ trồng cây dược liệu, cây mắc ca (macadamia)

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, sấy phụ phẩm thủy sản, chế biến cà phê

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản

e. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: nhà đầu tư liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn nộp hồ sơ.

g. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Phòng Phát triển Kinh tế ngành - Sở Kế hoạch và Đầu tư. Điện thoại: 0613.843.635 Fax: 0613.941.718

h. Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, các Sở, ngành có liên quan, UBND các địa phương.

i. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND về việc ban hành quy định về mức ưu đãi và hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020.

2. Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng hỗ trợ: Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác; Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Doanh nghiệp; Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện.

b. Điều kiện hỗ trợ:

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.
- Liên kết đảm bảo ổn định:
 - + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;
 - + Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.
- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết nhưng không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.
- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.
 - Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông
 - + Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn.
 - + Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.
 - + Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật

+ Đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông theo quy định hiện hành.

+ Đối tượng chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học.

- Hỗ trợ đào tạo nghề: Mức hỗ trợ áp dụng theo đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đồng Nai.

- Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã

+ Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì sản phẩm, mức hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/mẫu thiết kế và không quá 03 mẫu thiết kế.

+ Hỗ trợ giống, vật tư:

(*) Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 30% chi phí mua vật tư, thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ như sau:

. Cây rau và cây dược liệu: Hỗ trợ trong 03 vụ, tổng mức hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/ha/vụ.

. Cây lương thực: Hỗ trợ trong 03 vụ, riêng đối với giống cây khoai mì hỗ trợ 01 vụ, tổng mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ha/vụ.

. Cây công nghiệp: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

. Cây ăn quả: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 09 triệu đồng/ha/năm.

(*) Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 30% chi phí mua vắc-xin phòng bệnh gia súc, gia cầm cho các hộ, trang trại tham gia chuỗi liên kết: Hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh gia cầm (cúm, newcastle, dịch tả vịt) không quá 02 ngàn đồng/con; hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh cho heo (dịch tả, lở mồm long móng) không quá 40 ngàn đồng/con, thời gian hỗ trợ trong 03 chu kỳ sản xuất.

(*) Liên kết trong lâm nghiệp: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí mua giống, hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư trong 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

(*) Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản, thời gian hỗ trợ 01 vụ sản xuất, mức hỗ trợ như sau:

. Nuôi tôm nước mặn, lợ (nuôi thâm canh, bán thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 95 triệu đồng/ha.

. Nuôi tôm nước ngọt: Tổng mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/ha.

. Nuôi cá rô đồng, cá lóc (nuôi thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/ha.

. Nuôi cá khác trong ao: Tổng mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ 30% kinh phí mua vật tư hệ thống tưới (01 lần đối với phần diện tích chưa được hỗ trợ).

- Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng.

- Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng; quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và các hình thức sản xuất nông nghiệp tốt khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận), cụ thể:

+ Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chi phí đánh giá chứng nhận 01 lần (lần đầu hoặc cấp lại).

- Hỗ trợ 40% kinh phí áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, gồm: ISO 9001, ISO 22000, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/01 hệ thống.

d. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: nhà đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn hỗ trợ.

đ. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Điện thoại: 02518878245.

e. Cơ quan phối hợp thực hiện: Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện và thành phố; các Sở ngành có liên quan.

g. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng hỗ trợ:

Tổ chức (gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ, doanh nghiệp), cá nhân, hộ gia đình, trang trại sản xuất, sơ chế các loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh quy định, gồm có:

- Sản phẩm trồng trọt: Nấm ăn và nấm dược liệu, cây dược liệu, cây rau, bắp, lúa, cây ăn quả, cây công nghiệp.
- Sản phẩm chăn nuôi: Heo, gà, vịt, ngan, bò thịt, bò sữa, dê thịt, dê sữa, ong.
- Sản phẩm thủy sản: Cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá rô phi, tôm càng xanh, cá rô đồng, cá chẽm, cá lăng, cá lóc.
- Sản phẩm lâm nghiệp: Trồng trọt: Cây uoi (lấy quả). Chăn nuôi: Cá sấu, nai, rắn ráo trâu.

b. Điều kiện hỗ trợ

- Có sản phẩm đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP trong Danh mục quy định nêu trên; đồng thời cam kết thực hiện, duy trì việc sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản VietGAP kể cả khi kết thúc hỗ trợ. Trong trồng trọt, lâm nghiệp hỗ trợ cho các loại cây trồng trong giai đoạn có sản phẩm thu hoạch.

- Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, trang trại sản xuất được hỗ trợ khi:

+ Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong giấy đăng ký áp dụng VietGAP và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại địa điểm đăng ký áp dụng VietGAP.

+ Các điều kiện khác

(*) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại đang sản xuất trồng trọt, lâm nghiệp có quy mô, công suất phù hợp quy định này.

(*) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản phải có quyền sử dụng đất/mặt nước hoặc có hợp đồng thuê đất/mặt nước lâu dài để nuôi trồng thủy sản theo quy định hiện hành. Nơi nuôi phải nằm trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương (hoặc có xác nhận của địa phương chứng minh nơi tổ chức, cá nhân đang diễn ra hoạt động nuôi trồng thủy sản là vùng được địa phương cho phép nuôi).

(*) Đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại tham gia hoạt động chăn nuôi:

. Đối với trang trại chăn nuôi: Các trang trại chăn nuôi nằm trong vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi và các trang trại chăn nuôi đảm bảo khoảng cách đến khu dân cư, trường học, bệnh viện, ... theo QCVN 01 - 14: 2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học; QCVN 01 - 15: 2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học (ban hành theo Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học) có đăng ký chăn nuôi (được cấp mã số chăn nuôi theo quy định), ghi chép đầy đủ thông tin trong sổ theo dõi chăn nuôi, báo cáo chăn nuôi theo đúng quy định tại Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh.

. Đối với nông hộ: Được hỗ trợ khi là thành viên của hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi và có quy mô sản xuất phù hợp với quy định này.

- Quy mô

+ Quy mô cơ sở sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt được hỗ trợ: Căn cứ theo Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh quy định sản phẩm, quy mô công suất tối thiểu của các cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản được hỗ trợ theo quy định tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 4 Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

(*) Trồng rau, cây dược liệu: Từ 03 ha trở lên, liền kề.

(*) Rau mầm: 20 tấn/năm.

(*) Trồng nấm ăn và nấm dược liệu: 50 tấn/năm.

(*) Trồng lúa, bắp: Từ 50 ha trở lên, Quy mô diện tích trong vùng sản xuất tập trung.

(*) Trồng cây ăn quả, cây công nghiệp: Từ 20 ha trở lên, Quy mô diện tích trong vùng sản xuất tập trung.

(*) Sơ chế sản phẩm rau, nấm, cây dược liệu: Từ 700 tấn sản phẩm/năm trở lên.

(*) Sơ chế sản phẩm cây ăn quả: Từ 1.200 tấn sản phẩm/năm trở lên.

(*) Sơ chế sản phẩm cây công nghiệp: Từ 1.600 tấn sản phẩm/năm trở lên.

+ Quy mô cơ sở nuôi trồng thủy sản được hỗ trợ

(*) Nuôi thủy sản trong ao theo hình thức thâm canh (các loài thủy sản được hỗ trợ đã quy định ở trên, trừ nuôi tôm): Diện tích nuôi từ 10 ha trở lên/cơ sở sản xuất hoặc vùng nuôi.

(*) Nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh: Diện tích nuôi từ 05 ha trở lên/cơ sở sản xuất hoặc vùng nuôi.

(*) Nuôi thủy sản theo hình thức bán thâm canh (các loài thủy sản được hỗ trợ đã quy định ở trên, trừ nuôi tôm): Diện tích nuôi từ 20 ha trở lên/cơ sở sản xuất hoặc vùng nuôi.

(*) Nuôi thủy sản trong bè (thâm canh, bán thâm canh): Diện tích nuôi từ 600 m³ trở lên/cơ sở sản xuất hoặc vùng nuôi.

(Vùng nuôi trồng thủy sản là khu vực có một hoặc nhiều cơ sở nuôi, sử dụng chung nguồn nước cấp, hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật nuôi thủy sản).

+ Quy mô cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ

Quy mô trang trại: Thực hiện theo Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh về tiêu chí xác định kinh tế trang trại, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Quy mô nông hộ:

(*) Đối với chăn nuôi heo: Tối thiểu từ 20 con heo thịt. Trường hợp có cả chăn nuôi sinh sản và lấy thịt thì quy đổi theo tỷ lệ 03 con thịt bằng 01 con sinh sản và ngược lại.

(*) Đối với chăn nuôi gà:

. Gà, vịt thịt: Tối thiểu được từ 200 con gà thịt.

. Gà, vịt đẻ trứng: Tối thiểu từ 100 con gà đẻ trứng.

+ Quy mô cơ sở sản xuất, sơ chế sản phẩm lâm nghiệp: Hiện nay chưa có quy định về quy mô trang trại, hộ gia đình trong sản xuất lâm nghiệp, căn cứ thực tiễn sản xuất, đề xuất quy mô sản xuất cho 04 sản phẩm lâm nghiệp như sau:

. Quy mô trồng trọt (cây uoi): Từ 01 ha trở lên, mật độ từ 70 cây/ha trở lên.

. Quy mô chăn nuôi: Cá sấu: Trang trại từ 1.000 con/trang trại trở lên; hộ gia đình từ 30 con/hộ trở lên. Nai: Trang trại từ 30 con/trang trại trở lên; hộ gia đình từ 10 con/hộ trở lên. Rắn ráo trâu: Trang trại từ 1.000 con/trang trại trở lên; hộ gia đình từ 100 con/hộ trở lên.

c. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kinh phí thực hiện từ ngân sách huyện.

- Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn, dạy nghề.

- Hỗ trợ đầu tư, sản xuất một lần tại chu kỳ sản xuất đầu tiên áp dụng VietGAP, cụ thể:

+ Hỗ trợ xây dựng, cải tạo đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện phục vụ sản xuất cho vùng sản xuất tập trung theo quy định tại Nghị quyết số 105/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh; hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý chất thải, hệ thống phụ trợ nuôi trồng thủy sản, hệ thống cấp thoát nước phục vụ sơ chế của vùng sản xuất tập trung đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

+ Hỗ trợ áp dụng tiên bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) tính theo giá thời điểm sản xuất. Nội dung và mức chi áp dụng Quyết định số 52/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh.

- Đối với cơ sở sơ chế sản phẩm: Hỗ trợ một lần kinh phí mua trang thiết bị sơ chế, bảo quản theo Quyết định số 52/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh.

- Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện theo quy định hiện hành được UBND tỉnh Đồng Nai ban hành.

- Riêng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có dự án sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng toàn bộ các tiêu chí của VietGAP, ngoài những chính sách nêu trên, còn được hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn khoa học công nghệ để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có dự án sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng VietGAP.

+ Kinh phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP: Hỗ trợ 100% kinh phí cấp giấy chứng nhận 1 lần (lần đầu hoặc cấp lại) theo giá thực tế sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh.

+ Kinh phí thuê cán bộ hỗ trợ tư vấn về kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thủy sản; tư vấn duy trì, phát triển hệ thống quản lý chất lượng sau khi chứng nhận để duy trì, nhân rộng diện tích áp dụng GAP. Kinh phí thuê cán bộ hỗ trợ tư vấn được quy định như sau:

. 5 triệu đồng/năm/ha canh tác cây trồng, nuôi trồng thủy sản;

. 10 triệu đồng/năm/cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, ong mật.

. Kinh phí hỗ trợ kiểm soát mối nguy trong nuôi trồng thủy sản gồm kiểm soát bệnh, an toàn thực phẩm, vật tư dùng xử lý nước thải: Hỗ trợ 100% kinh phí cấp lần đầu; 70% cấp lại lần 1 và 50% cấp lại lần 2.

. Kinh phí hỗ trợ kiểm soát bảo hộ sau tiêm phòng heo (lở mồm long móng, dịch tả); gà (cúm gia cầm, newcastle): Hỗ trợ 50% kinh phí.

- Người sản xuất có dự án đầu tư sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng VietGAP ngoài việc được hưởng chính sách này còn được hưởng các chính sách hỗ trợ và ưu đãi khác theo quy định hiện hành của tỉnh (nội dung hỗ trợ không được trùng với quy định trên).

d. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: nhà đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn hỗ trợ.

đ. Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và thủy lợi (0251. 3894740); Chi cục Chăn nuôi và Thú y (0251. 3822980); Chi cục Thủy sản (0251 3895640).

e. Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND các huyện và thành phố; Các Sở ngành liên quan.

g. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh.

4. Một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020

a. Đối tượng hỗ trợ:

- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân (sau đây gọi chung là các đơn vị cấp nước) thực hiện toàn bộ hoặc một số công đoạn trong các hoạt động đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ, quản lý khai

thác, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về cấp nước sạch phục vụ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia hoạt động đầu tư, quản lý và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Tất cả các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ đều phải lập dự án và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư.

- Nhà đầu tư phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ; có năng lực tài chính, năng lực quản lý khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư. Việc đầu tư xây dựng công trình cấp nước nông thôn thực hiện theo Luật Đầu tư và các quy định khác có liên quan.

- Các công trình cấp nước sạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch trung, dài hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c. Mục đích hỗ trợ: khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung, phục vụ sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

d. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nhà đầu tư đầu tư xây dựng mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng các công trình cấp nước sạch nông thôn thì được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 05 năm tiếp theo.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách:

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng mới: Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 06 triệu đồng/m³/ngày đêm theo công suất cấp nước của dự án được các sở, ban, ngành liên quan nghiệm thu xác nhận sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

+ Đối với dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng công suất cấp nước: Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 4,2 triệu đồng/m³/ngày đêm đối với phần công suất mở rộng của dự án được các sở, ban, ngành liên quan nghiệm thu xác nhận sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

+ Đối với dự án đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước: Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 03 triệu đồng/m³/ngày đêm đối với phần công suất mở rộng phạm vi cấp nước của dự án được các sở, ban, ngành liên quan nghiệm thu xác nhận sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

- Được vay vốn tín dụng ưu đãi ngân hàng, vay vốn tín dụng từ quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 7 Thông tư Liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

đ. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: chủ đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn cụ thể.

e. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và thủy lợi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Điện thoại: 0251. 3894740 hoặc 0251.3825771.

g. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành và UBND các huyện và thành phố.

h. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị quyết số 105/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND tỉnh về việc thông qua đề án xây dựng mức hỗ trợ vốn từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 – 2020.

- Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh Ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

5. Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng áp dụng:

Là các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Nội dung và mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước: Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được miễn tiền thuê đất khi nhà nước cho thuê đất xây dựng công trình; Tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được hỗ trợ 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công.

- Mức hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha; Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cống và kiên cố kênh mương: Hỗ trợ 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình, riêng vùng miền núi hỗ trợ 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng)

c. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: chủ đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn cụ thể.

d. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và thủy lợi – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Điện thoại: 0251. 3894740 hoặc 0251.3825771.

đ. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành, UBND các huyện và thành phố.

e. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

Nghị quyết số 198/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Hỗ trợ sản xuất giống gốc vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng được hỗ trợ:

Các doanh nghiệp có chức năng nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất giống có liên quan đến lĩnh vực nuôi giữ giống gốc, giống cụ kỵ, giống ông bà, giống bố mẹ trên địa bàn tỉnh.

b. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ sản xuất và nuôi giữ đàn giống gốc 4.800 con heo; 8000 con gà; 120 con bò và 240 con dê giống gốc, giống cụ kỵ, giống ông bà, giống bố mẹ.

c. Điều kiện được hỗ trợ

- Sản xuất giống có liên quan đến lĩnh vực nuôi giữ giống gốc, giống cụ kỵ, giống ông bà, giống bố mẹ trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ sản xuất và nuôi giữ đàn giống gốc cho các động vật: heo, gà; bò; Hỗ trợ sản xuất và nuôi giữ đàn giống gốc, giống cụ kỵ, giống ông bà, giống bố mẹ đối với con Dê.

- Dự án có địa điểm triển khai sản xuất giống (địa điểm do chủ đầu tư được giao quản lý, sử dụng đất và cam kết của các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng đất tham gia triển khai dự án trên địa điểm đó).

- Cam kết về đảm bảo nguồn vốn của tổ chức, cá nhân để thực hiện sản xuất giống gốc (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ thực hiện của dự án tương ứng với tỷ lệ đầu tư vốn thực góp của đơn vị trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chưa nhận bất kỳ hỗ trợ nào từ nguồn kinh phí của Nhà nước.

d. Cơ chế thu hồi.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước: sau khi dự án hoàn thành giá trị vốn đầu tư được ghi tăng vào giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị quản lý sử dụng.

- Đối với sản xuất giống được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư 01 lần; mức thu hồi nộp ngân sách nhà nước bằng 30% số kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ đầu tư để thực hiện.

đ. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: chủ đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn cụ thể.

e. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Chi cục Chăn nuôi và Thú y – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
Điện thoại: 0251. 3822980.

g. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành, UBND các huyện và thành phố.

h. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án “Quản lý, phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và thủy sản đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”

7. Đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2035” (OCOP).

a. Đối tượng hỗ trợ: tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

b. Nội dung và định mức hỗ trợ

- Đào tạo nguồn nhân lực:

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn cho các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác) và hộ sản xuất tham gia chương trình OCOP về chu trình biểu mẫu OCOP, bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm; xây dựng, triển khai thực hiện phương án kinh doanh, kế hoạch kinh doanh; phát triển sản phẩm để sản phẩm đạt theo yêu cầu của bộ tiêu chí của chương trình OCOP; kỹ năng bán hàng/thương mại điện tử cho nhân viên bán hàng của các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP, nhân viên làm việc tại các trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức đào tạo cho người đứng đầu các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất tham gia Chương trình được nâng cao năng lực về quản trị sản xuất và kinh doanh; sản phẩm và phát triển sản phẩm, ...

+ Tổ chức đào tạo cho các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, người lao động về các ngành nghề liên quan đến chương trình OCOP lồng ghép vào chương trình đào tạo nghề của tỉnh.

- Xúc tiến thương mại

Các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao đến 5 sao cấp tỉnh được hỗ trợ xúc tiến thương mại trên quy mô toàn tỉnh. Các sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia được tham gia các chương trình hỗ trợ xúc tiến cấp quốc gia, các hình thức chủ yếu gồm:

+ Quảng cáo, tiếp thị sản phẩm: Quảng bá các sản phẩm trên các phương tiện truyền thông; phát sóng trên truyền hình hoặc đăng trên các trang báo, tạp chí của tỉnh; xây dựng xuất bản ấn phẩm, tạp chí chuyên đề OCOP, quảng bá trên hệ thống tuyến du lịch.

+ Tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại cấp tỉnh đưa sản phẩm OCOP tiêu biểu đến giới thiệu tại các thị trường trong nước và quốc tế.

+ Thương mại điện tử: Xây dựng các cơ sở dữ liệu trên website OCOP; lựa chọn, tham gia phân phối sản phẩm OCOP trên các trang mạng điện tử khác để các nhà sản xuất, các đối tác kết nối, đặt hàng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tổ chức sự kiện hội nghị, hội thảo, hội chợ và triển lãm: Tổ chức hội thảo kết nối cung cầu sản phẩm OCOP và tổ chức các hội nghị đối thoại doanh nghiệp OCOP thường niên trên địa bàn tỉnh; tổ chức hội chợ OCOP thường niên tập trung vào các sự kiện văn hóa, du lịch lớn của tỉnh và các tỉnh bạn để tiếp xúc đầu tư tìm hiểu trực tiếp; tham gia các hội chợ triển lãm khác như lồng ghép các

gian hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong các hội chợ, triển lãm (OCOP cấp tỉnh, OCOP cấp huyện kết nối, các tổ chức kinh tế, các hộ sản xuất chủ động tham gia, được hỗ trợ 1 phần kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định).

+ Giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các gian hàng của các siêu thị, chợ truyền thống, khu dân cư lớn; tại các điểm bán hàng OCOP ở các khách sạn, nhà hàng, điểm du lịch, trạm dừng chân; tại quầy giới thiệu sản phẩm OCOP ở trung tâm hành chính cấp huyện, cấp tỉnh.

- Phát triển sản phẩm:

+ Đối với các sản phẩm hiện có: Hoàn thiện, nâng cấp sản phẩm đã được khảo sát, đánh giá với các nội dung như hoàn thiện công bố tiêu chuẩn chất lượng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, ứng dụng tem điện tử thông minh, xây dựng câu chuyện sản phẩm, xúc tiến thương mại,...

+ Đối với các sản phẩm mới: Đánh giá thị trường, nghiên cứu phát triển tạo sản phẩm mẫu, thiết kế bao bì nhãn mác, xây dựng câu chuyện sản phẩm ... sản xuất thử nghiệm, xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm (nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm), công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đánh giá hoạt động phân phối của sản phẩm trên thị trường, hoàn thiện sản phẩm và sản xuất đại trà.

Ngoài ra, còn được áp dụng lồng ghép các chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn, chính sách liên kết, chính sách về ứng dụng khoa học công nghệ,...

c. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: chủ đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn cụ thể.

d. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Điện thoại: 0251. 3894740.

đ. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành, UBND các huyện và thành phố.

e. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2035”.

II. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

1. Hỗ trợ sau đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng hỗ trợ: các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

b. Điều kiện hỗ trợ: có dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực được hỗ trợ sau đầu tư ban hành kèm theo Quyết định 43/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c. Mục đích hỗ trợ: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được chính sách hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ sau đầu tư.

d. Nội dung hỗ trợ: các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đáp ứng đủ điều kiện và có dự án thuộc danh mục hỗ trợ thì được Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh hỗ trợ một phần lãi suất khi vay vốn của tổ chức tín dụng để đầu tư khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và chủ đầu tư trả được nợ vay.

e. Mức hỗ trợ: được tính cho từng dự án và cấp cho chủ đầu tư sau khi đã trả nợ vay vốn đầu tư (nợ gốc) cho tổ chức tín dụng cho vay vốn. Căn cứ theo số vốn trả nợ của chủ đầu tư, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh cấp hỗ trợ sau đầu tư cho chủ đầu tư tối đa mỗi quý một lần trong năm. Mức chênh lệch lãi suất hỗ trợ do Bộ Tài chính công bố hàng năm.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên hệ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh để được hướng dẫn làm thủ tục hỗ trợ.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh. Điện thoại: 061 3.824.021 Fax: 0613.822.795 Website: <http://www.dndif.com.vn>

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định 43/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hỗ trợ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng được bảo lãnh: các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh ngoại trừ các doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong lĩnh vực xổ số, bất động sản, chứng khoán, tài chính, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc tổng công ty.

b. Điều kiện bảo lãnh:

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay; Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay; Có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án/phương án.

- Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức kinh tế khác.

c. Nội dung bảo lãnh: Quỹ Bảo lãnh tín dụng bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp của doanh nghiệp tại tổ chức tín dụng.

d. Mức bảo lãnh: Mức bảo lãnh tối đa cho 01 khách hàng được bảo lãnh không vượt quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm bảo lãnh.

e. Trình tự, thủ tục bảo lãnh: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên hệ Quỹ Bảo lãnh tín dụng tỉnh để được hướng dẫn làm thủ tục bảo lãnh.

g. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Quỹ Bảo lãnh tín dụng tỉnh. Điện thoại: 0613.824.021 Fax: 0613.822.795 Website: <http://www.dndif.com.vn>

h. Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

i. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định 2671/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 14/QĐ-HĐQL ngày 07/12/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Đồng Nai.

3. Hỗ trợ cho vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh:

a. Đối tượng cho vay: các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương, gồm: Đầu tư xây dựng phát triển: điện; hệ thống cấp nước sạch; xử lý nước thải, rác thải; mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển nhà ở xã hội, xây dựng mở rộng bệnh viện; trường học, chợ; đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng...

b. Điều kiện cho vay:

- Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân có đăng ký kinh doanh hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- Có năng lực điều hành hoạt động, có năng lực tài chính, có phương án sản xuất kinh doanh có lãi và có phương án bảo đảm trả được nợ vay, có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật;

- Đã hoàn thành và bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc.

c. Nội dung cho vay: cho vay trung và dài hạn.

d. Mức vốn cho vay: tối đa bằng 80% tổng mức vốn đầu tư; trường hợp đầu tư các dự án nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước vay vốn từ nguồn Quỹ Phát triển nhà ở tỉnh thì mức vốn cho vay tối đa bằng 100%.

e. Lãi suất cho vay: theo từng thời kỳ và ổn định trong suốt thời gian vay vốn.

g. Thời gian cho vay: tùy theo từng dự án, tối đa không quá 15 năm.

h. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên hệ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh để được hướng dẫn làm thủ tục vay vốn.

i. Cơ quan chủ trì: Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh. Điện thoại: 061 3.824.021 Fax: 0613.822.795. Website: <http://www.dndif.com.vn>

k. Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 20/QĐ-HĐQL ngày 03/11/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế cho vay.

4. Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

a. Đối tượng hỗ trợ:

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn nông thôn hoặc tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, ngoại trừ các đối tượng sau: Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp khai khoáng, các cơ sở sản xuất thủy điện, nhiệt điện;
- Doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.

b. Điều kiện hỗ trợ: các lĩnh vực cho vay gồm:

- Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.
- Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn.
- Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp.
- Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn.
- Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.
- Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn.
- Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ.

c. Mục đích hỗ trợ: phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống của nông dân, cư dân ở nông thôn.

d. Nội dung hỗ trợ:

- Cho vay không có tài sản đảm bảo;
- Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới;
- Khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết;
- Khuyến khích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Giảm lãi suất cho vay khi khách hàng tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay.

e. Mức hỗ trợ:

- Cho vay không có tài sản đảm bảo từ 50 triệu đồng đến 3 tỷ đồng;
- Cho vay không có tài sản đảm bảo tối đa từ 70% đến 80% giá trị dự án, phương án cho vay các doanh nghiệp, HTX phát triển nông nghiệp theo mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao;

- Lãi suất cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn do khách hàng và tổ chức tín dụng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ;

- Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới theo quy định tại Điều 12 Nghị định 55/2015/NĐ-CP;

- Khách hàng khi tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay, được tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2%/năm so với lãi suất của các khoản cho vay cùng loại và có thời hạn tương ứng.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP; Thông tư 10/2015/TT-NHNN và Quy chế cho vay của các Ngân hàng thương mại.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn;

- Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

5. Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp:

a. Đối tượng hỗ trợ: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b. Điều kiện hỗ trợ: các doanh nghiệp đáp ứng quy định theo quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

c. Mục đích hỗ trợ: giảm tổn thất trong nông nghiệp.

d. Nội dung và mức hỗ trợ:

Đối tượng được vay tối đa 100% giá trị hàng hóa và được hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua móc, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Đồng thời được ngân sách Nhà nước hỗ trợ phân chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp; *các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.*

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: theo quy định của các tổ chức tín dụng.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Bộ ngành, UBND tỉnh.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

6. Chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản:

a. Đối tượng hỗ trợ:

Chủ tàu đặt hàng đóng mới tàu, nâng cấp tàu (thay máy; gia cố bọc vỏ thép; bọc vỏ vật liệu mới; mua ngư lưới cụ, trang thiết bị hàng hải, trang thiết bị khai thác, trang thiết bị bảo quản sản phẩm, trang thiết bị bốc xếp hàng hóa) phục vụ hoạt động khai thác hải sản.

b. Điều kiện hỗ trợ:

Chủ tàu phải đáp ứng các điều kiện vay quy định tại Điều 4 Thông tư 22/2014/TT-NHNN và khoản 3 Điều 1 Thông tư 12/2018/TT-NHNN. Cụ thể như sau:

“1. Đối với cho vay đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần khai thác hải sản:

a) Tàu đóng mới phải có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên; nâng cấp tàu có tổng công suất máy chính dưới 400CV thành tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên và nâng cấp công suất máy đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên;

b) Chủ tàu có tên trong danh sách phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đang hoạt động nghề cá có hiệu quả, có khả năng tài chính và có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể;

c) Chủ tàu cam kết mua đầy đủ bảo hiểm theo quy định đối với thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) sau khi hoàn thành việc đóng mới, nâng cấp tàu và trước khi đưa vào sử dụng;

d) Phương án vay vốn được ngân hàng thương mại thẩm định có hiệu quả, khả thi.

2. Đối với cho vay vốn lưu động:

Chủ tàu vay vốn lưu động đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.”

c. Mục đích hỗ trợ:

Phát triển thủy sản theo chủ trương của Chính phủ.

d. Nội dung hỗ trợ:

- Cho vay để chủ tàu đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

- Cho vay ngắn hạn để chủ tàu đảm bảo chi phí khai thác hải sản và cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

e. Mức hỗ trợ:

- Hạn mức, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm e khoản 1, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 4 NĐ 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

- Thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 NĐ 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 NĐ 89/2015/NĐ-CP).

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

Theo quy định của các tổ chức tín dụng.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

i. Cơ quan phối hợp thực hiện:

Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014; Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

- Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014; Thông tư số 21/2015/TT-NHNN ngày 16/11/2015; Thông tư số 12/2018/TT-NHNN ngày 27/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP;

7. Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ:

a. Đối tượng hỗ trợ:

Pháp nhân và cá nhân có nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch quy định tại QĐ 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ NN&PTNT (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định 813/QĐ-NHNN).

b. Điều kiện hỗ trợ:

Các đối tượng được hỗ trợ đáp ứng quy định theo Quy chế cho vay của các TCTD và Quyết định 813/QĐ-NHNN.

c. Mục đích hỗ trợ:

Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

d. Nội dung hỗ trợ:

- Ưu đãi về lãi suất;
- Khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo quy định của pháp luật;
- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và cho vay mới.

e. Mức hỗ trợ:

- Các NHTM tự cân đối nguồn vốn để cho vay với lãi suất cho vay bằng VNĐ thấp hơn từ 0,5%/năm đến 1,5%/năm so với mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn của NHTM;
- Khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo quy định của pháp luật;
- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và cho vay mới theo quy định tại Điều 6 Quyết định 813/QĐ-NHNN.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

Theo Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017; Thông tư 39/2016/TT-NHNN và Quy chế cho vay của các NHTM.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Các Ngân hàng thương mại.

i. Cơ quan phối hợp thực hiện:

Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của NHNN Việt Nam về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ.

8. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế:

a. Đối tượng hỗ trợ: 5 nhóm đối tượng lĩnh vực và ngành kinh tế ưu tiên, gồm:

- Lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn;
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu;
- Phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ;

- Phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- b. Điều kiện hỗ trợ: các doanh nghiệp đáp ứng quy định theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng.
- c. Mục đích hỗ trợ: phát triển một số lĩnh vực và ngành kinh tế ưu tiên.
- d. Nội dung hỗ trợ: cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam.
- e. Mức hỗ trợ: mức lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 6%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô ấn định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 7%/năm.
- g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: theo quy định của các tổ chức tín dụng.
- h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- i. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Bộ ngành liên quan, UBND tỉnh.
- k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

- Quyết định số 2416/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

9. Cho vay vốn ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội đối với các tổ chức tín dụng được chỉ định theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội

a. Đối tượng hỗ trợ:

- *Doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội không phải bằng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 53 Luật Nhà ở để cho thuê, cho thuê mua, bán;*

- *Doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất công nghiệp, dịch vụ tự đầu tư xây dựng nhà ở để bố trí cho người lao động của chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó mà không thu tiền thuê nhà hoặc có thu tiền thuê nhà với giá thuê không vượt quá khung giá cho thuê nhà ở xã hội do UBND tỉnh ban hành;*

- *Hộ gia đình, cá nhân bỏ vốn xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê, cho thuê mua, bán.*

b. Điều kiện hỗ trợ: Ngoài các điều kiện cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, khách hàng phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- *Đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã vay vốn để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị*

định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân vay vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê, cho thuê mua, bán phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

c. Mục đích hỗ trợ: thực hiện chính sách nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ.

d. Nội dung hỗ trợ: vay vốn ưu đãi xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê, cho thuê mua, bán; vay vốn ưu đãi để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; vay vốn ưu đãi để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở của mình.

e. Mức hỗ trợ:

- Đối với xây dựng nhà ở xã hội chỉ để cho thuê: Mức cho vay tối đa bằng 80% tổng mức đầu tư dự án, phương án vay và không vượt quá 80% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.

- Đối với xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê mua, bán: Mức cho vay tối đa bằng 70% tổng mức đầu tư dự án, phương án vay và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: theo quy định của các tổ chức tín dụng.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Nhà nước chỉ định cho vay.

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Bộ ngành liên quan, UBND tỉnh.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Thông tư số 25/2015/TT-NHNN ngày 09/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cho vay vốn ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội.

11. Cho vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh tỉnh Đồng Nai:

a. Đối tượng hỗ trợ: Chủ đầu tư có dự án thuộc danh mục tại Phụ lục I – Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư, ban hành kèm theo Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Chủ đầu tư là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp có thu. Người đại diện theo pháp luật có hành vi dân sự đầy đủ;

- Có dự án đầu tư hiệu quả, trả được nợ vay, có vốn chủ sở hữu tham gia dự án tối thiểu bằng 20% tổng mức vốn đầu tư, có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật;

- Chủ đầu tư phải thực hiện chế độ hạch toán kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định; báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập.

c. Mục đích hỗ trợ:

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề theo từng thời kỳ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d. Nội dung hỗ trợ: Cho vay đầu tư trung hạn, dài hạn.

e. Mức hỗ trợ:

- Cho vay đầu tư:

+ Mức vốn cho vay: Tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt (không bao gồm vốn lưu động).

+ Thời hạn cho vay: Theo khả năng thu hồi vốn của dự án nhưng tối đa không quá 12 năm.

+ Đồng tiền cho vay và trả nợ: là đồng Việt Nam;

+ Lãi suất cho vay: Theo thông báo của Bộ Tài chính công bố trong từng thời kỳ tại thời điểm giải ngân và không thay đổi trong suốt thời hạn vay vốn.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Đề nghị doanh nghiệp đến Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Đồng Nai để được hướng dẫn cụ thể, chi tiết về danh mục hồ sơ, trình tự thủ tục.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0613 826287, Fax: 0613 826288

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: Phòng Tín dụng - Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0613 822797, Fax: 0613 826288

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về Tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

- Thông tư số 35/2012/TT-BTC ngày 03/2/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về Tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

12. Ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của dự án đầu tư

a. Đối tượng hỗ trợ:

- Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục I Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư.

- Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. (trong đó có các Khu công nghiệp, Khu chế xuất được thành lập theo quy định của Chính phủ).

- Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên (không bao gồm lao động làm việc không trọn thời gian và lao động có hợp đồng lao động dưới 12 tháng);

- Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao và pháp luật về khoa học công nghệ.

b. Điều kiện hỗ trợ: các dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Điểm 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 04/6/2016 và Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

c. Mục đích hỗ trợ: thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội.

d. Nội dung hỗ trợ: miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của dự án.

e. Mức hỗ trợ: miễn thuế nhập khẩu

g. Trình tự thủ tục: đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Phòng Thuế Xuất nhập khẩu - Cục Hải quan Đồng Nai, số điện thoại: 0613.895.735, người liên hệ Ông Lê Văn Ngọc - Trưởng phòng Thuế Xuất nhập khẩu.

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Đầu tư 67/2014/QH 13 ngày 26/11/2014, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, Thông tư 83/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

13. Chính sách hỗ trợ miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu; các trường hợp được giảm thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

a. Đối tượng hỗ trợ: theo quy định tại Điều 16, 18, 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 04/6/2016; Từ Điều 5 đến Điều 29, từ Điều 32 đến Điều 37 của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

b. Điều kiện hỗ trợ: đáp ứng đủ điều kiện theo quy định đối với từng loại hàng hóa theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 04/6/2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

c. Mục đích hỗ trợ: theo quy định của Nhà nước.

d. Nội dung hỗ trợ: Miễn thuế, giảm thuế và hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

e. Mức hỗ trợ: tùy theo đối tượng hàng hóa.

g. Trình tự thủ tục hỗ trợ: theo quy định đối với từng loại hàng hóa theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 04/6/2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Phòng Thuế Xuất nhập khẩu - Cục Hải quan Đồng Nai, số điện thoại: 0613.895.735, người liên hệ Ông Lê Văn Ngọc - Trưởng phòng Thuế Xuất nhập khẩu.

i. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 04/6/2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.

14. Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi

a. Đối tượng hỗ trợ: Các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở chăn nuôi gia súc (chỉ tính heo), gia cầm tạm ngưng hoạt động để thực hiện di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi (gọi chung là cơ sở chăn nuôi), có đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời ra khỏi nội thành, nội thị, khu đô thị, khu công nghiệp, khu tập trung đông dân cư, các khu vực gần trường học, bệnh viện đến vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Quy mô chăn nuôi: Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi có một trong các điều kiện sau đây:

+ Quy mô chăn nuôi gia cầm thương phẩm thường xuyên có từ 2.000 con trở lên (không tính số đầu con dưới 07 ngày tuổi);

+ Quy mô chăn nuôi gia cầm sinh sản có thường xuyên từ 1.000 con trở lên;

+ Quy mô chăn nuôi heo sinh sản có thường xuyên từ 30 con heo nái trở lên;

+ Quy mô chăn nuôi heo lấy thịt có thường xuyên từ 100 con trở lên (không kể heo sữa).

c. Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

d. Nội dung và mức hỗ trợ:

- *Hỗ trợ cho cơ sở chăn nuôi khi tạm ngừng hoạt động chăn nuôi đáp ứng điều kiện theo quy định di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi để tiếp tục sản xuất.*

Hỗ trợ 5.000.000 đồng/tháng/cơ sở đối với các cơ sở chăn nuôi có quy mô dưới: 20.000 con gia cầm thương phẩm; 10.000 con gia cầm sinh sản; 300 con heo sinh sản; 1.000 con heo lấy thịt.

Đối với các cơ sở chăn nuôi có quy mô từ: 20.000 con gia cầm thương phẩm; 10.000 con gia cầm sinh sản; 300 con heo sinh sản; 1.000 con heo lấy thịt.

Ngoài mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/tháng/cơ sở, nếu số lượng gia súc, gia cầm cứ tăng: 1.000 con gia cầm thương phẩm; 500 con gia cầm sinh sản; 15 con heo sinh sản hoặc 50 con heo lấy thịt thì mỗi cơ sở được hỗ trợ thêm 250.000 đồng/cơ sở/tháng nhưng không quá 8.000.000 đồng/cơ sở/tháng.

Thời gian hỗ trợ: 03 tháng.

- *Hỗ trợ chi phí di dời chuồng trại, xây dựng cơ sở mới tại vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi:*

Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở mới:

+ Được hưởng ưu đãi về thuế và các quy định khuyến khích hỗ trợ cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các chính sách khác về khuyến khích đầu tư theo quy định.

+ Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay thương mại (lãi suất = 0%) đối với các phương án, dự án được ký hợp đồng tín dụng trước ngày 31/12/2015. Thời gian hỗ trợ không vượt quá 02 năm kể từ ngày tổ chức, cá nhân nhận khoản vay lần đầu và tổng số tiền hỗ trợ vốn vay không vượt quá 125.000.000 đồng/cơ sở. Các cơ sở trước đây đã vay nhưng chưa đến kỳ trả thì tiếp tục thẩm định xem xét cho vay mới.

Hỗ trợ khi di dời cơ sở:

+ Hỗ trợ 01 lần đối với các cơ sở chăn nuôi di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

+ Hỗ trợ 4.000.000 đồng/cơ sở đối với cơ sở chăn nuôi có quy mô dưới: 20.000 con gia cầm thương phẩm; 10.000 con gia cầm sinh sản; 300 con heo sinh sản; 1.000 con heo lấy thịt.

+ Đối với các cơ sở chăn nuôi có quy mô từ: 20.000 con gia cầm thương phẩm; 10.000 con gia cầm sinh sản; 300 con heo sinh sản; 1.000 con heo lấy thịt. Ngoài mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/cơ sở, nếu số lượng gia súc, gia cầm cứ tăng: 1.000 con gia cầm thương phẩm; 500 con gia cầm sinh sản; 15 con heo sinh sản hoặc 50 con heo lấy thịt; Thì mỗi cơ sở được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/cơ sở nhưng không quá 6.000.000 đồng/cơ sở.

- *Hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng một số điểm khuyến khích phát triển chăn nuôi*

+ Hỗ trợ 80% kinh phí từ ngân sách xây dựng các trục đường giao thông chính vào điểm khuyến khích phát triển chăn nuôi (20% huy động từ nguồn xã hội hóa).

+ Công ty TNHH một thành viên Điện lực Đồng Nai thực hiện vay vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh để đầu tư xây dựng hệ thống trục điện trung thế tại các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với mức hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay (lãi suất = 0), thời gian vay và trả nợ dần trong vòng 10 năm, thời gian hỗ trợ lãi suất là 05 năm kể từ ngày nhận vốn vay.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: chủ đầu tư liên hệ UBND các huyện để được hướng dẫn.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: UBND các huyện.

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành liên quan.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi;

- Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

15. Hỗ trợ tài chính cho các tổ chức có các chương trình, dự án, hoạt động phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức có các chương trình, dự án, hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; các lĩnh vực phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, vì mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường và nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

b. Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng các quy định cho từng phương thức hỗ trợ quy định tại Quy chế hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường.

c. Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d. Nội dung hỗ trợ:

- Tài trợ không hoàn lại;

- Cho vay với lãi suất ưu đãi.

e. Mức hỗ trợ:

Mức vốn cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường không vượt quá 70% tổng chi phí của chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường.

Lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường là lãi suất ưu đãi với lãi suất tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố vào cùng thời kỳ.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Tham khảo Quy trình tín dụng của Quỹ tại Website: <http://www.quybvmtdongnai.org.vn> hoặc liên hệ trực tiếp Quỹ BVMT để được hướng dẫn cụ thể.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai:

Địa chỉ : Số 165, đường Đồng Khởi, p.Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai;

ĐT: 061.8878494; Fax:061.8823193;Email:qbvmt-stnmt@dongnai.gov.vn;

Website: <http://www.quybvmtdongnai.org.vn>

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành liên quan và UBND các huyện.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (Điều 149)

- Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

16. Hỗ trợ chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp.

a. Đối tượng hỗ trợ: tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b. Điều kiện hỗ trợ: Đáng ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về thuế và các pháp luật có liên quan.

c. Mục đích hỗ trợ: tạo điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

d. Nội dung và mức hỗ trợ:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% kể từ năm 2016, doanh nghiệp được áp dụng các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (ưu đãi về thuế suất; ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế) khi đáp ứng được các điều kiện ưu đãi (về địa bàn đầu tư, về lĩnh vực đầu tư) theo quy định của pháp luật thuế hiện hành và các pháp luật khác có liên quan.

- Các chính sách ưu đãi thuế TNDN nổi bật:

+ Chính sách ưu đãi thuế TNDN khi đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

Thu nhập doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới tại các khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được miễn thuế tối đa không quá 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp không quá 4 năm tiếp theo.

Địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi quy định tại khoản này là các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Theo đó, các dự án đầu tư mới vào các KCN nằm trên địa bàn TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai không được áp dụng các chính sách ưu đãi miễn thuế, giảm thuế nêu trên (do kể từ ngày 31/12/2015, TP. Biên Hòa được công nhận là Đô thị loại I trực thuộc tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 2488/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ). Dự án đầu tư mới vào các KCN nằm trên địa bàn khác (không phải tại TP. Biên Hòa) được áp dụng các chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế nêu trên.

+ Chính sách ưu đãi thuế TNDN khi đầu tư vào các lĩnh vực ưu đãi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

*** Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm, được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đầu tư phát triển nhà máy

nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải; doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao; sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17% trong thời hạn 10 năm, được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo được áp dụng đối với: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

*** Đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:**

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm, bao gồm cả đầu tư để trực tiếp bảo quản hoặc đầu tư để cho thuê bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm; phần thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghệ sinh học.

Áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản

*** Đối với dự án đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội:**

Áp dụng thuế suất 10% trong suốt dự án đối với các dự án đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, thuê mua cho các đối tượng quy định tại Điều 53 của Luật Nhà ở.

*** Đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa, gồm: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp:**

Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo khi đáp ứng đối tượng điều chỉnh, danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn

của các doanh nghiệp thực hiện xã hội hoá được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

*** Đối với hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng hợp tác xã và Tổ chức tài chính vi mô:** áp dụng thuế suất thuế TNDN 17% trong suốt thời gian hoạt động.

e. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: nhà đầu tư liên hệ Cục Thuế tỉnh để được hướng dẫn.

g. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

- Phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ người nộp thuế:

+ Bộ phận chính sách: 0251.3847835

+ Bộ phận một cửa: 0251.3847831

- Phòng kê khai và kế toán thuế: 0251.3842520

- Phòng Công nghệ thông tin: 02513.842520

- Số điện thoại đường dây nóng: 0251.3840168 (phục vụ 24/24 giờ; 7/7 ngày/tuần).

- Thư điện tử: duongdaynongvpc.don@gdt.gov.vn

h. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội.

- Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Nghị định 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

- Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

III. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO

1. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã trong tỉnh.

c. Mục đích hỗ trợ: đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực, quản lý cho các cán bộ quản lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa và hợp tác xã.

d. Nội dung hỗ trợ:

Thực hiện Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh Đồng Nai tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thông qua việc tổ chức các khóa đào tạo Khởi sự doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp. Thông qua khóa đào tạo, ngoài việc trang bị cho các chủ doanh nghiệp những kiến thức cần thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp còn được thông tin về những cơ chế, chính sách, những văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đúng pháp luật.

Một số chuyên đề đào tạo:

Đào tạo Khởi sự doanh nghiệp: Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; Kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp.

Đào tạo Quản trị doanh nghiệp: Những vấn đề cơ bản về quản trị doanh nghiệp; Quản trị chiến lược; Quản trị nhân sự; Quản trị marketing; Quản trị dự án đầu tư; Quản trị tài chính; Quản trị sản xuất; Quản lý kỹ thuật và công nghệ; Quản lý chất lượng; Quản trị hậu cần kinh doanh; Thương hiệu và sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ; Những vấn đề cơ bản về hoạt động tham gia hội chợ, triển lãm thương mại của các doanh nghiệp; Đàm phán và ký kết hợp đồng; Ứng dụng công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kỹ năng bán hàng; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng quản trị của chủ doanh nghiệp; Văn hóa doanh nghiệp; Tâm lý học lãnh đạo, quản lý; Một số vấn đề kinh doanh trên thị trường quốc tế; Lập dự án, phương án kinh doanh; Các chuyên đề về hội nhập kinh tế.

e. Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% học phí của một khóa đào tạo.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã có nhu cầu về đào tạo có thể liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn đăng ký tham dự.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Sở Kế hoạch và Đầu tư. Điện thoại: 0616.500.565 hoặc 0613.843.635/ Fax: 0613.941.718

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, các Hội, Hiệp hội trên địa bàn tỉnh.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Đào tạo theo Chương trình Khuyến công và Chương trình Xúc tiến thương mại

2.1. Đào tạo theo Chương trình Khuyến công

a. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: các Hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tỉnh.

b. Mục đích hỗ trợ: đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực, quản lý cho các cán bộ quản lý của các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c. Nội dung hỗ trợ:

Đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp, để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động;

Đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp.

d. Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí, riêng mức hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề theo Chương trình khuyến công theo quy định tại Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành khung định mức kinh phí theo nhóm nghề đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (định mức tối đa 02 triệu đồng/khóa (03 tháng)/người).

đ. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã có nhu cầu về đào tạo có thể liên hệ Sở Công thương để được hướng dẫn đăng ký tham dự.

e. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Sở Công Thương Đồng Nai: Ông Dương Minh Dũng – Giám đốc Sở Công Thương, số điện thoại liên hệ: 0613.942.678, di động 0913.756.936.

Trung tâm Khuyến công trực thuộc Sở Công Thương: Ông Lâm Quang Liêm – Giám đốc Trung tâm Khuyến công, số điện thoại liên hệ: 0613.842.532, di động: 01234.337.600.

g. Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, các Hội, Hiệp hội trên địa bàn tỉnh.

2.2. Đào tạo theo Chương trình Xúc tiến thương mại

a. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: các Hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tỉnh.

b. Mục đích hỗ trợ: đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực, quản lý cho các cán bộ quản lý của các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c. Nội dung hỗ trợ:

Nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân, cán bộ, công chức, viên chức;

Kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ, mạng lưới phân phối;

Hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân hoạt động trong những ngành đặc thù;

Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân tiêu thụ nông sản phát triển thị trường.

d. Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí.

đ. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã có nhu cầu về đào tạo có thể liên hệ Sở Công thương để được hướng dẫn đăng ký tham dự.

e. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Sở Công Thương Đồng Nai: Ông Dương Minh Dũng – Giám đốc Sở Công Thương, số điện thoại liên hệ: 0613.942.678, di động 0913.756.936.

Trung tâm Xúc tiến Thương mại trực thuộc Sở Công Thương Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Lan - Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại, số điện thoại di động: 0918.356661, điện thoại: 0613.822220, Fax: 061.3840518; địa chỉ Email: lanxttmdn@gmail.com, Website: xttmdn.com hoặc xttmdn.dongnai.gov.vn.

g. Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, các Hội, Hiệp hội trên địa bàn tỉnh.

IV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Chính sách miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Đối tượng hỗ trợ:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và đủ điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa;

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thuộc danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b. Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá; thể dục thể thao; môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

c. Mục đích hỗ trợ: nhằm thu hút đầu tư đối với các dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá; thể dục thể thao; môi trường.

d. Nội dung hỗ trợ: các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện được miễn tiền sử dụng đất khi lựa chọn hình thức thuê đất, hoặc giảm tiền sử dụng đất nếu lựa chọn hình thức giao đất.

e. Mức hỗ trợ: tùy vào khu vực, các doanh nghiệp được miễn tiền sử dụng đất từ 05 năm đến 22 năm, giảm tiền sử dụng đất từ 40% đến 80%.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Sở Tài nguyên và Môi trường. Điện thoại: 0613.822.933

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở ban ngành, UBND các địa phương.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ miễn giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

a. Đối tượng: các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Điều kiện hỗ trợ: tất cả các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, các đơn vị sự nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó ưu tiên cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c. Mục đích hỗ trợ: Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

d. Nội dung hỗ trợ: gồm 03 chương trình hỗ trợ liên quan:

- Chương trình hỗ trợ các tổ chức áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến và xây dựng tiêu chuẩn, gồm các nội dung: hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ năng suất chất lượng; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn và hỗ trợ đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Chương trình hỗ trợ thực hiện bảo hộ sở hữu trí tuệ, gồm các nội dung: hỗ trợ xây dựng, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ xây dựng website.

- Chương trình hỗ trợ nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ và tiết kiệm năng lượng, gồm các nội dung: hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ; hỗ trợ ứng dụng các phần mềm trong quản lý; hỗ trợ kiểm toán năng lượng và tư vấn giải pháp tiết kiệm năng lượng.

e. Mức hỗ trợ: tùy theo nội dung đăng ký hỗ trợ của từng chương trình được quy định tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: các doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn đăng ký hỗ trợ.

h. Cơ quan chủ trì: Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở Khoa học và Công nghệ. Điện thoại: 0613.822.297; Fax: 0613.825.585

i. Cơ quan phối hợp: các Sở, ngành có liên quan, UBND các địa phương.

VI. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

1. Hỗ trợ theo Chương trình Khuyến công:

a. Đối tượng hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn; Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Có nội dung phù hợp với nội dung Chương trình Khuyến công;
- Chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi;
- Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án;
- Có chương trình, dự án, đề án khả thi, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c. Mục đích hỗ trợ:

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

- Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

d. Nội dung và mức hỗ trợ: theo quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

e. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Quy định chi tiết tại Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 về việc ban hành quy định về việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình, kế hoạch, đề án Khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e. Cơ quan chủ trì:

Sở Công thương – Ông Dương Minh Dũng – Giám đốc Sở Công thương.
Điện thoại: 0613.942.678, di động: 0913.756.936

Trung tâm Khuyến công trực thuộc Sở Công thương: Ông Lâm Quang Liêm – Giám đốc Trung tâm Khuyến công. Số điện thoại: 0613.842.532, di động: 01234.337.600.

g. Cơ quan phối hợp: Trung tâm Khuyến công tỉnh Đồng Nai.

h. Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

- Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 về việc ban hành quy định về việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình, kế hoạch, đề án Khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hỗ trợ theo Chương trình Xúc tiến thương mại:

a. Đối tượng hỗ trợ: doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, Chủ trang trại, hộ nông dân có đăng ký kinh doanh thuộc các loại hình doanh nghiệp theo quy định.

b. Mục đích hỗ trợ: Hỗ trợ các đơn vị tham gia nhằm mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

c. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 9, 10 và 12 của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh. Cụ thể:

❖ Đối với chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

- Hỗ trợ 100% các chi phí liên quan đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu các thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường.

- Hỗ trợ 100% các chi phí liên quan đến tuyên truyền xuất khẩu, bao gồm: Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, địa phương ra thị trường nước ngoài; Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Đồng Nai để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Đồng Nai; Quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các hàng hóa, dịch vụ đặc trưng thuộc thương hiệu của tỉnh.

- Hỗ trợ 100% chi phí thuê chuyên gia trong và ngoài nước để hướng dẫn hoạt động thiết kế mẫu mã sản phẩm, tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm (kể cả nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường), phát triển xuất khẩu (kể cả hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn bảo đảm trách nhiệm xã hội và môi trường của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xuất khẩu), thâm nhập thị trường nước ngoài, bao gồm: chi phí thù lao, ăn, ở, đi lại của chuyên gia trong và ngoài nước, thuê hội trường, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, chi phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì, chi phí tổ chức và quản lý; hoặc chi phí hợp đồng trọn gói thuê chuyên gia phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân.

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức gian hàng tỉnh Đồng Nai tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài, bao gồm chi phí cấu thành gian hàng (kể cả chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng, trang trí, vận chuyển, bốc vác, điện thoại), chi phí

bảo vệ, thuyết minh gian hàng, tổ chức lễ khai mạc, tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch, chi phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì; chi phí công tác tổ chức và quản lý... trong các trường hợp sau:

+ Hội chợ triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu là 10 (mười) gian hàng tiêu chuẩn hoặc tối thiểu 07 (bảy) doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân tham gia;

+ Hội chợ triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 07 (bảy) gian hàng tiêu chuẩn hoặc tối thiểu 05 (năm) doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân tham gia.

- Hỗ trợ tối đa 70% các chi phí doanh nghiệp tự tổ chức gian hàng tham gia các hội chợ triển lãm tại nước ngoài, bao gồm: các chi phí cấu thành gian hàng, kể cả chi phí thuê mặt bằng và các khoản chi phí khác (nếu có).

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài, bao gồm: 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia; phương tiện đi lại (ô tô) tham dự hội nghị, hội thảo; thuê hội trường, thiết bị, phí tuyên truyền mời khách đến tham dự hội nghị, tài liệu hội nghị, tiệc giữa giờ, phí thuê phiên dịch, người dẫn chương trình; công tác phí, điện thoại liên hệ cho cán bộ tổ chức chương trình; các khoản chi phí khác (nếu có), đáp ứng các điều kiện: Đoàn đa ngành có tối thiểu 12 (mười hai) doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân tham gia; Đoàn chuyên ngành có tối thiểu 07 (bảy) doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân tham gia.

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hội nghị giao thương tại tỉnh Đồng Nai, bao gồm: các chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; thù lao báo cáo viên, tài liệu, biên dịch, phiên dịch; chi phí đi lại, ăn, ở của đối tác nước ngoài và báo cáo viên; chi phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì; chi phí công tác tổ chức và quản lý;

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức đoàn Đồng Nai tham gia hội nghị giao thương với doanh nghiệp nước ngoài tại tỉnh, thành phố khác, bao gồm: 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia hoặc phương tiện đi lại (ô tô) tham dự hội nghị, hội thảo (doanh nghiệp tự chịu các khoản ăn, ở); chi phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì; chi phí công tác tổ chức và quản lý.

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp (thương mại kết hợp đầu tư) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Đồng Nai ra nước ngoài, đồng thời thu hút nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam, bao gồm: 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia hoặc phương tiện đi lại (ô tô) tham dự hội nghị, hội thảo, thù lao báo cáo viên, tài liệu, biên dịch, phiên dịch; chi phí đi lại của doanh nghiệp (doanh nghiệp tự chịu các khoản ăn, ở); chi phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì; chi phí công tác tổ chức và quản lý.

- Hỗ trợ 100% chi phí các hoạt động xúc tiến thương mại khác theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm: các chi phí khoán theo kế hoạch của UBND tỉnh;

❖ Đối với chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước

- Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước, bao gồm: các chi phí liên quan đến việc điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển hệ thống phân phối, xuất bản các ấn phẩm, đề án..., gồm: Xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng chủ lực, thiết yếu; Nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối; đề án quản lý vận hành cơ sở hạ tầng thương mại; xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước; Xuất bản các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

- Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác, bao gồm: các chi phí tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn, bao gồm: các chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn, đi lại, ăn, ở cho học viên tham gia; chi phí đi lại, ăn, ở của báo cáo viên; (Không bao gồm tiền làm thêm ngoài giờ), gồm:

+ Nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân, cán bộ, công chức, viên chức;

+ Kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ, mạng lưới phân phối;

+ Hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân hoạt động trong những ngành đặc thù;

+ Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân tiêu thụ nông sản phát triển thị trường.

- Hỗ trợ 100% chi phí đối với trường hợp tổ chức gian hàng tỉnh Đồng Nai để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chủ trang trại, hộ nông dân trên địa bàn tỉnh tham gia các cuộc hội chợ triển lãm hàng hóa tiêu dùng, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, cây trồng, rau quả an toàn và sản phẩm nông sản, gồm: các chi phí cấu thành gian hàng (kể cả chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng, trang trí, vận chuyển, bốc xếp) chi phí bảo vệ, thuyết minh gian hàng; chi phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì; chi phí công tác tổ chức và quản lý.

- Hỗ trợ tối đa 70% chi phí đối với trường hợp doanh nghiệp tự tổ chức gian hàng tham gia hội chợ triển lãm hàng hóa tiêu dùng, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, cây trồng, rau quả an toàn và sản phẩm nông sản, gồm: chi phí thuê gian hàng (kể cả chi phí thuê mặt bằng); trong đó hỗ trợ cho đối tượng kinh doanh mặt hàng đồ gỗ, thủ công, mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất không quá 04 (bốn) gian/lần hội chợ, các đối tượng kinh doanh mặt hàng khác không quá 02 (hai) gian/lần hội chợ.

- Hỗ trợ 100% chi phí Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, bao gồm: chi phí hỗ trợ vận chuyển cho các đơn vị tham gia bán hàng, tuyên truyền (in, treo, tháo gỡ băng rôn, cờ phướn, tờ rơi, gửi thư mời, biên tập và in đĩa tuyên truyền, thuê xe loa), ca nhạc - văn nghệ, điện, nước, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí tổ chức và quản lý;

- Hỗ trợ 100% chi phí Phiên chợ hàng Việt phục vụ công nhân các khu công nghiệp, khu đô thị, nông trường cao su, bao gồm: chi phí tuyên truyền, điện, nước, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ, khai mạc, ca nhạc - văn nghệ, gian hàng miễn phí phục vụ công nhân; chi phí tổ chức và quản lý;

- Hỗ trợ 100% chi phí các chuyến xe hàng Việt phục vụ công nhân tại các khu công nghiệp và nhà máy trên địa bàn tỉnh sau giờ tan ca, bao gồm: chi phí tuyên truyền quảng bá, nhiên liệu, vệ sinh môi trường, điện thoại, chi phí tổ chức và quản lý.

- Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại nhằm phát triển thị trường nội địa, gồm: chi phí tuyên truyền; chi phí tổ chức và quản lý: Tháng khuyến mại; Tuần hàng Việt Nam; Chương trình hàng Việt; Chương trình giới thiệu sản phẩm mới; Các sự kiện khác.

- Hỗ trợ 100% chi phí các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm: các chi phí theo quy định chung về tài chính.

d. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

- Thủ tục tham gia chương trình:

+ Đối tượng có nhu cầu tham gia vào chương trình phải lập hồ sơ đăng ký gửi về Đơn vị chủ trì chương trình.

+ Đơn vị chủ trì có trách nhiệm thông báo công khai bản đăng ký, trong hồ sơ đăng ký nêu rõ: Thông tin đối tượng tham gia; Yêu cầu cần hỗ trợ; Các hình thức hỗ trợ như: Tham gia vào gian hàng chung, gian hàng riêng, phiên chợ công nhân, phiên chợ nông thôn, chuyến hàng, đoàn giao thương, các chương trình hội thảo, tập huấn,...; Nội dung cam kết tham gia chương trình.

- Thời hạn nộp bản đăng ký:

+ Đối với hình thức tham gia hội chợ triển lãm, đoàn giao thương phát triển thị trường nước ngoài: gửi bản đăng ký về cơ quan chủ trì chương trình trước 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày khai mạc hội chợ triển lãm, đoàn giao thương khởi hành.

+ Tham gia hội chợ triển lãm trong nước: gửi bản đăng ký về cơ quan chủ trì chương trình trước 15 (mười lăm) ngày tính đến ngày khai mạc hội chợ triển lãm.

+ Các nội dung khác của chương trình: gửi bản đăng ký tham gia trước 07 (bảy) ngày tính đến ngày triển khai.

Thời hạn hỗ trợ: Chậm nhất sau 20 (hai mươi) ngày làm việc sau khi kết thúc chương trình, Đơn vị chủ trì chương trình có trách nhiệm thanh toán phần hỗ trợ cho các đối tượng tham gia Chương trình khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh.

đ. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Sở Công thương – Ông Dương Minh Dũng – Giám đốc Sở Công thương.
Điện thoại: 0613.942.678, di động: 0913.756.936

Trung tâm Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công thương: Bà Nguyễn Thị Lan – Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại. Điện thoại: 0613.822.220, di

e. Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở, ngành có liên quan, các Hội, Hiệp hội, UBND các địa phương.

g. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020.

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020

a. Đối tượng hỗ trợ: các doanh nghiệp, hợp tác xã (thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật) đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Chợ có dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định về quản lý đầu tư xây dựng, phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế đối với từng cấp độ chợ theo quy định hiện hành.

- Chợ có trong quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được UBND cấp huyện cụ thể hóa trong kế hoạch đầu tư hàng năm và được UBND cấp huyện lập danh sách đề nghị hỗ trợ, được Sở Công Thương phối hợp với các sở, ngành lựa chọn và được UBND tỉnh phê duyệt.

- UBND cấp huyện, doanh nghiệp, hợp tác xã có cam kết góp vốn hoặc huy động xã hội hóa để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh công trình (ngoài phần ngân sách tỉnh hỗ trợ).

- Chợ có nhiều hộ kinh doanh đang hoạt động ổn định cần thiết phải xây dựng lại hoặc chợ xây dựng tại vị trí mới mà đất chợ không phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ di dời, có dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổng kinh phí xây dựng không quá 5 tỷ đồng.

- Chợ đầu tư xây dựng xong phải đảm bảo hoạt động có hiệu quả, có cam kết của tiểu thương vào mua bán.

c. Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa chợ ở địa bàn nông thôn của tỉnh.

d. Nội dung hỗ trợ:

Gồm 7 hạng mục sau: san lấp mặt bằng; xây dựng nhà lồng chính, hệ thống đường nội bộ chợ, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý rác thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

e. Mức hỗ trợ:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ bốn mươi phần trăm (40%) trên tổng dự toán đầu tư chợ (đối với 7 hạng mục hỗ trợ nêu tại điểm b) nhưng tối đa không quá hai tỷ đồng trên một chợ, phần còn lại là vốn của hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc huy động từ các nguồn hợp pháp theo quy định.

g. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: thực hiện theo Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

h. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Sở Công thương Đồng Nai: Ông Dương Minh Dũng – Giám đốc Sở Công Thương, số điện thoại liên hệ: 0613.942.678, di động 0913.756.936.

Phòng Quản lý Thương mại – Sở Công thương. Điện thoại liên hệ: 0613.822.216

i. Cơ quan phối hợp thực hiện: các Sở ngành và UBND các huyện.

k. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020;

Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh danh sách chợ nông thôn đầu tư xây dựng năm 2015, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020;

Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp:

a. Đối tượng hỗ trợ:

- Các doanh nghiệp trong nước đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập theo quy định;

- Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Chi phí đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp của chủ đầu tư và giá cho thuê lại đối với nhà đầu tư thứ cấp phải được thẩm định của cơ quan chức năng;

- Dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đã được triển khai thực hiện tối thiểu đạt 50% tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt.

c. Nội dung hỗ trợ:

Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, bao gồm các hạng mục: san lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước.

d. Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ là 20 tỷ đồng/ cụm công nghiệp. Đối với cụm công nghiệp có diện tích nhỏ hơn 30ha được hỗ trợ 15 tỷ đồng/ cụm công nghiệp.

e. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: các doanh nghiệp liên hệ phòng Quản lý công nghiệp - Sở Công thương để được hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ.

g. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ: Sở Công thương – Ông Dương Minh Dũng – Giám đốc Sở Công thương. Điện thoại: 0613.942.678, di động: 0913.756.936

Phòng Quản lý công nghiệp - Sở Công thương. Điện thoại: 0613.941.582 (Ông Vương Trọng Sánh – Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp, điện thoại 0913.108.855).

h. Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND các huyện.

i. Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 189/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh thông qua một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020.

Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020.

5. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp:

a. Đối tượng hỗ trợ:

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc diện di dời ra khỏi các khu quy hoạch khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định phê duyệt doanh nghiệp thuộc diện di dời;

- Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Chủ đầu tư hạ tầng đã cơ bản hoàn thành các công trình hạ tầng cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết được duyệt và đã ký hợp đồng cho thuê lại đất với doanh nghiệp di dời vào cụm công nghiệp.

c. Nội dung hỗ trợ:

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi thực hiện dự án di dời vào cụm công nghiệp sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí tháo dỡ, bóc xếp, vận chuyển di dời, hỗ trợ xây dựng cơ sở và phí sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp.

d. Mức hỗ trợ: hỗ trợ 30.000 đồng/m² tính theo diện tích thuê lại của chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ không quá 10.000m² đối với doanh nghiệp có quy mô vừa nhưng không quá 300 triệu đồng/ doanh nghiệp vừa;

- Hỗ trợ không quá 5.000m² đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ nhưng không quá 150 triệu đồng/ doanh nghiệp nhỏ;

- Hỗ trợ không quá 2.000m² đối với doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ (hộ kinh doanh) nhưng không quá 60 triệu đồng/ hộ kinh doanh;

e. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: các doanh nghiệp liên hệ phòng Quản lý công nghiệp - Sở Công thương để được hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ.

g. Cơ quan chủ trì thực hiện, số điện thoại liên hệ, người liên hệ:

Sở Công thương – Ông Dương Minh Dũng – Giám đốc Sở Công thương.
Điện thoại: 0613.942.678, di động: 0913.756.936

Phòng Quản lý công nghiệp - Sở Công thương. Điện thoại: 0613.941.582 (Ông Vương Trọng Sán – Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp, điện thoại 0913.108.855).

h. Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND các huyện.

i. Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ: Nghị quyết số 189/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh thông qua một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020.

Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020.

VII. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đăng ký doanh nghiệp:

a. Đối tượng hỗ trợ: Tất cả các cá nhân, tổ chức có nhu cầu thành lập doanh nghiệp hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có trụ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ soạn thảo hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

c. Điều kiện hỗ trợ:

Khi có nhu cầu cần được hỗ trợ lập hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, các nhân, tổ chức liên hệ với Phòng Đăng ký kinh doanh (theo số điện thoại: **061.8850777** ít nhất trước 01 ngày làm việc) hoặc trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai để đăng ký lấy số thứ tự được hỗ trợ (thời gian đăng ký trong ngày làm việc).

Trước khi đến Phòng Đăng ký kinh doanh, cá nhân gồm: Chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân; chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu; các thành viên là cá nhân của công ty TNHH hai thành viên trở lên; các thành viên hợp danh và thành viên góp vốn là cá nhân của Công ty Hợp danh; các cổ đông là cá nhân của Công ty cổ phần có nhu cầu được hỗ trợ lập hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mang theo một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân theo quy định (CMND hoặc hộ chiếu còn hiệu lực).

d. Cách thức thực hiện:

- Căn cứ các thông tin do người thành lập doanh nghiệp cung cấp, công chức của Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện soạn thảo, in hồ sơ và hướng dẫn ký tên vào hồ sơ theo quy định để chuyển đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Đăng ký kinh doanh để tiếp nhận hồ sơ.

- Sau khi hồ sơ được tiếp nhận và nhận giấy biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định để Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp trong 02 (hai) ngày làm việc (rút ngắn 01 ngày so với thời gian quy định là 03 ngày làm việc).

- Thời gian thực hiện hỗ trợ: Buổi sáng: Thứ hai đến thứ bảy, từ 7h30 phút đến 11 giờ; Buổi chiều: Thứ hai đến thứ sáu, từ 13 giờ đến 16 giờ (trừ các ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định).

e. Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư. Điện thoại: 0618.850.777

g. Số văn bản quy định chính sách hỗ trợ: Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020”.

2. Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã

2.1. Hỗ trợ chung đối với hợp tác xã

a. Bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã.

- Điều kiện, tiêu chí: Được hợp tác xã cử đi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã.

- Nội dung hỗ trợ: Bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã; hỗ trợ đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học xuống làm việc ở hợp tác xã có thời hạn để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý; chi phí đi lại từ trụ sở chính của hợp tác xã đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); chi phí mua tài liệu của khóa học, chi phí tổ chức, quản lý lớp học (xây dựng giáo trình, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan, khảo sát, chi phí ăn, ở).

- Mức hỗ trợ: Theo Thông tư 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính

b. Thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã

Điều kiện, tiêu chí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập hợp tác xã hoặc tham gia hợp tác xã; Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày 01/7/2013 tổ chức lại hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã.

Nội dung hỗ trợ: Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật hợp tác xã trước khi thành lập hợp tác xã cho sáng lập viên hợp tác xã; Tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã; Tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Mức hỗ trợ: Theo Thông tư 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính.

2.2. Đối với hợp tác xã nông nghiệp

Ngoài việc được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi trên, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp còn được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi sau:

- Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Điều kiện, tiêu chí thụ hưởng: Theo Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Nguồn và mức hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư của dự án, hợp tác xã đóng góp tối thiểu 20% tổng mức đầu tư của dự án.

- Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: Đối với hợp tác xã khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Hỗ trợ chế biến sản phẩm đối với hợp tác xã: Thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2.3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: các hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ liên hệ Liên minh Hợp tác xã để được hướng dẫn.

2.4. Cơ quan chủ trì thực hiện: Liên minh Hợp tác xã. Điện thoại: 0251.8870693

2.5. Cơ quan phối hợp thực hiện: Các sở, ngành có liên quan, các hội, hiệp hội, UBND các địa phương.

2.6. Số văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ:

- Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

- Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính

- Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Hỗ trợ vay vốn tại Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã

a. Đối tượng hỗ trợ:

Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị kinh tế trực thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Các thành viên, người lao động đang làm việc trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Đối với thể nhân:

+ Cam kết sử dụng số tiền trợ vốn đúng mục đích, chấp thuận các quy định của Quỹ và hoàn trả vốn phí, tiết kiệm đúng hạn.

+ Không còn nợ vốn đối với Quỹ hoặc bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác, trong cùng gia đình đang còn nợ tiền trợ vốn của Quỹ.

+ Đối với thành viên xin trợ vốn đã từng vi phạm những quy định về thời gian hoàn trả vốn, phí, tiết kiệm nhưng đến thời điểm xin trợ vốn đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả vốn thì tùy trường hợp cụ thể Giám đốc Quỹ quyết định.

- Đối với pháp nhân:

+ Cam kết sử dụng số tiền trợ vốn đúng mục đích, chấp thuận các quy định của Quỹ và hoàn trả vốn phí đúng hạn.

+ Có năng lực sản xuất ổn định, phương án kinh doanh khả thi đang cần vốn để phát triển sản xuất kinh doanh.

c. Mục đích hỗ trợ: hỗ trợ, khuyến khích hợp tác xã, tổ hợp tác dưới hình thức ưu đãi về vốn.

d. Nội dung hỗ trợ:

- Đối với thể nhân: hỗ trợ mức tối đa 30 triệu đồng.

- Đối với pháp nhân: hỗ trợ mức tối đa 2 tỷ đồng.

e. Thủ tục hỗ trợ: theo quy định của Quỹ.

g. Cơ quan chủ trì thực hiện: Quỹ trợ vốn phát triển hợp tác xã thuộc Liên minh Hợp tác xã. Điện thoại: 0251.8871815.

h. Cơ quan phối hợp thực hiện: phòng Tài chính - Kế hoạch các địa phương.